

ĐIỀU TRA THỰC VẬT SỬ DỤNG LÀM THUỐC CHỮA BỆNH VỀ DẠ DÀY THEO KINH NGHIỆM CỦA CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC Ở TỈNH THÁI NGUYÊN

Lê Thị Thanh Hương*, Nguyễn Thị Quỳnh
Trường Đại học Khoa học – ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Thái Nguyên là tỉnh có nhiều đồng bào dân tộc khác nhau cùng tập trung sinh sống. Mỗi dân tộc lại có những kinh nghiệm riêng trong việc sử dụng các loài thực vật để phòng và chữa nhiều loại bệnh khác nhau, trong đó có bệnh dạ dày. Để đánh giá được mức độ đa dạng của các loài thực vật dùng làm thuốc điều trị dạ dày cũng như các bài thuốc về dạ dày, trong nghiên cứu này chúng tôi đã sử dụng các phương pháp điều tra, phân loại và đánh giá tính đa dạng về nguồn gen, dạng sống của các loài thực vật. Kết quả thu được gồm 45 loài thực vật có công dụng làm thuốc chữa bệnh dạ dày thuộc 40 chi, 29 họ của 2 ngành thực vật bậc cao có mạch với sự đa dạng về bộ phận được sử dụng làm thuốc. Bên cạnh đó, 12 bài thuốc được sử dụng để chữa bệnh dạ dày theo kinh nghiệm của cộng đồng dân tộc ở tỉnh Thái Nguyên cũng đã được thu thập. Nghiên cứu này cho thấy rằng, các đồng bào dân tộc tỉnh Thái Nguyên có kinh nghiệm đặc sắc trong việc sử dụng các loài thực vật để chữa các bệnh về dạ dày.

Từ khóa: Sinh học; cây thuốc; bệnh dạ dày; cộng đồng dân tộc; Thái Nguyên.

Ngày nhận bài: 14/02/2020; Ngày hoàn thiện: 13/6/2020; Ngày đăng: 22/6/2020

INVESTIGATION OF MEDICAL PLANTS USED TO TREAT STOMACH DISEASES BELONGING TO EXPERIENCES OF ETHNIC COMMUNITIES IN THAI NGUYEN PROVINCE

Le Thi Thanh Huong*, Nguyen Thi Quynh
TNU - University of Sciences

ABSTRACT

Thai Nguyen is a province with different ethnic groups living together. Each ethnic group has its own experience in using plants to prevent and cure many different diseases, including stomach disease. In order to assess the diversity of plants used to treat gastric as well as stomach remedies, in this study we used methods of investigation, classification and evaluation of diversity of genetic resources and life forms of plants. The results included 45 species of plants used to treat stomach diseases belonging to 40 genera, 29 families of 2 vascular plants with a variety of parts used as medicine. In addition, 12 remedies used to treat stomach diseases based on experience of ethnic communities in Thai Nguyen province were also collected. This study indicate that the ethnic minorities of Thai Nguyen province have traditional experiences in using plant species to treat stomach diseases.

Keywords: Biology; medicinal plants; stomach disease; ethnic community; Thai Nguyen.

Received: 14/02/2020; Revised: 13/6/2020; Published: 22/6/2020

* Corresponding author. Email: huonglth@tnus.edu.vn

1. Giới thiệu

Các bệnh về dạ dày là những bệnh gặp rất phổ biến ở Việt Nam ở mọi lứa tuổi và mọi tầng lớp. Các bệnh dạ dày thường gặp như viêm loét dạ dày, trào ngược dạ dày, xung huyết dạ dày, viêm hang vị dạ dày, nhiễm khuẩn *Helicobacter pylori*. Đối với y học hiện đại, tùy theo loại bệnh dạ dày cụ thể mà các thuốc được sử dụng có thể là thuốc kháng sinh kháng *Helicobacter pylori*, các thuốc kháng histamin, các thuốc ức chế bơm proton hoặc thuốc kháng acid dạ dày. Một trong những khó khăn trong điều trị dạ dày thường gặp phải là hiện tượng tái phát bệnh sau điều trị.

Việc sử dụng cây cỏ trong điều trị bệnh về dạ dày theo kinh nghiệm bản địa cũng đã được ghi nhận ở nhiều quốc gia khác nhau trên thế giới [1], [2]. Những ưu điểm được ghi nhận trong điều trị bệnh bằng cây cỏ được ghi nhận như ít tác dụng phụ, có thể điều trị bệnh triệt để, không hoặc ít tái phát bệnh sau điều trị.

Từ rất xa xưa, người dân Việt Nam nói chung và đồng bào các dân tộc thiểu số nói riêng đã biết và sử dụng những bài thuốc tạo lên từ những cây cỏ có sẵn trong tự nhiên để chữa trị nhiều bệnh liên quan tới dạ dày, trong đó có cả ung thư dạ dày [3].

Thái Nguyên là tỉnh có nhiều đồng bào dân tộc khác nhau cùng tập trung sinh sống. Trong quá trình chung sống, các dân tộc có sự giao thoa văn hóa xong mỗi dân tộc vẫn giữ được những nét văn hóa riêng biệt trong đó phải kể tới tri thức trong việc sử dụng cây thuốc để điều trị các bệnh gặp phổ biến hàng ngày. Trong cuộc sống hiện đại ngày nay, những giá trị đó dần bị mai một do không được ghi chép lưu trữ đầy đủ. Từ những thực tế này, việc tiến hành điều tra, nghiên cứu những cây thuốc được cộng đồng các dân tộc thiểu số sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên dùng trong điều trị bệnh nói chung và điều trị bệnh dạ dày nói riêng sẽ đóng góp vào việc bảo tồn giá trị văn hóa bản địa cho các dân tộc thiểu số nơi đây.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phạm vi và nội dung nghiên cứu

2.1.1. *Đối tượng và phạm vi nghiên cứu*: Các loài thực vật có giá trị làm thuốc chữa bệnh dạ dày theo kinh nghiệm của cộng đồng các dân tộc: người Kinh (huyện Đại Từ), người Tày (huyện Định Hóa), người Nùng (huyện Phú Bình), người Dao (huyện Đồng Hồ), người Sán Chí (huyện Võ Nhai) và người Sán Dìu (huyện Đồng Hồ).

2.1.2. *Nội dung nghiên cứu*: Tiến hành điều tra, thu mẫu thực địa, thu thập các thông tin về các loài cây thuốc và kinh nghiệm sử dụng thuốc để chữa các bệnh về dạ dày tại khu vực nghiên cứu. Xác định tên khoa học các loài cây thuốc đã thu thập được, xây dựng danh lục và đánh giá tính đa dạng nguồn tài nguyên cây thuốc có khả năng chữa bệnh dạ dày.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. *Phương pháp kế thừa*: Kế thừa những kinh nghiệm sử dụng thuốc để chữa các bệnh về dạ dày của các ông lang, bà mẹ tại các khu vực nghiên cứu và các công trình nghiên cứu khoa học trước đây về cây thuốc liên quan đến bệnh dạ dày.

2.2.2. *Phương pháp thu thập và xử lý mẫu ngoài thực địa*: Thời gian thu mẫu: gồm 4 đợt: đợt 1 (tháng 7/2013), đợt 2 (tháng 9/2013), đợt 3 (tháng 10/2013), đợt 4 (tháng 12/2013). Kết quả thu thập và xác định được 45 mẫu cây thuốc theo sự chỉ dẫn của các thầy thuốc ở tỉnh Thái Nguyên. Mẫu thu được và lưu giữ tại phòng thí nghiệm của trường Đại học Khoa học – Đại học Thái Nguyên.

2.2.3. *Phương pháp phân tích và phân loại mẫu vật*: Để xác định tên khoa học của cây thuốc, nhóm tác giả đã sử dụng phương pháp hình thái truyền thống, kết hợp với kinh nghiệm của các chuyên gia về thực vật và các bộ thực vật chí chuyên ngành như: Thực vật chí Việt Nam [1]-[5]; Cây cỏ Việt Nam (Phạm Hoàng Hộ) [6], Từ điển cây thuốc Việt Nam (Võ Văn Chi) [7], Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam (Đỗ Tất Lợi) [8], Cây

thuốc và động vật làm thuốc Việt Nam [9], 450 cây thuốc nam có tên trong bảng dược thảo Trung Quốc [10], Danh lục các loài thực vật Việt Nam [11]... Tiến hành lập Danh lục cây thuốc có khả năng chữa bệnh dạ dày tại các khu vực nghiên cứu (KVNC).

2.2.4. Phương pháp đánh giá tính đa dạng nguồn gen cây thuốc: Đánh giá tính đa dạng nguồn gen cây thuốc có khả năng chữa bệnh dạ dày phân bố tại tỉnh Thái Nguyên dựa theo phương pháp đánh giá của Nguyễn Nghĩa Thìn [12].

2.2.5. Phương pháp đánh giá đa dạng về dạng sống: Căn cứ vào các thông tin thu thập từ các bộ Thực vật chí và Danh lục các loài thực vật Việt Nam, tiến hành xác định và phân loại dựa theo thang phân chia phổ dạng sống của Nguyễn Nghĩa Thìn [13].

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Những cây thuốc có khả năng chữa bệnh dạ dày ở tỉnh Thái Nguyên

Qua quá trình điều tra, nhóm tác giả đã thu được 45 loài cây thuốc thuộc 40 chi và 29 họ thực vật dùng để chữa bệnh về dạ dày theo kinh nghiệm của cộng đồng dân tộc ở tỉnh Thái Nguyên. Trong đó, số loài cây thuốc thuộc ngành Mộc lan (Magnoliophyta) dùng để chữa các bệnh về dạ dày có số lượng nhiều nhất trong khu vực nghiên cứu với 44 loài, 39 chi và 25 họ. Ngành Dương xỉ (Polypodiophyta) chỉ có 1 loài thuộc 1 chi, 1 họ (bảng 1).

Bảng 1. Sự phân bố nguồn gen cây thuốc ở các bậc taxon

TT	Ngành thực vật	Số họ	Số chi	Số loài
1	Ngành Dương xỉ (Polypodiophyta)	1	1	1
	Ngành Mộc lan (Magnoliophyta)	28	39	44
2	Lớp Mộc lan (Magnoliopsida)	25	36	40
	Lớp Hành (Liliopsida)	3	3	4
	Tổng số	29	40	45

Trong ngành Mộc lan, lớp Mộc lan (Magnoliopsida) chiếm ưu thế với 40 loài

(chiếm 90,91%), 36 chi (chiếm 92,31%) và 25 họ (chiếm 89,29%). Lớp Hành (Liliopsida) chiếm tỷ trọng thấp hơn, chỉ có 4 loài chiếm 9,09% trong tổng số 44 loài, thuộc 3 chi và 3 họ. Các họ có nhiều loài cây thuốc có khả năng chữa bệnh dạ dày là: Euphorbiaceae (7 loài), Zingiberaceae (4 loài), Rubiaceae (3 loài), 5 họ có 2 loài đó là: Acanthaceae, Apocynaceae, Bignoniaceae, Schisandraceae và Vitaceae, còn lại 20 họ mỗi họ có một chi và một loài.

Dạng sống của các loài cây thuốc khá phong phú, bao gồm: nhóm cây chồi trên nhỏ (Mi) có 11 loài chiếm 24,45% tổng số loài cây thuốc; tiếp theo là nhóm cây chồi trên lùn (Na) có 9 loài chiếm 20%, tập trung ở các họ: Acanthaceae, Apocynaceae, Chloranthaceae, Euphorbiaceae, Lamiaceae, Myrsinaceae, Rubiaceae, Simaroubaceae; nhóm dây leo (Lp) có 7 loài chiếm 15,56%; nhóm cây chồi trên nhỡ (Me) có 5 loài chiếm 11,11%; nhóm cây chồi ẩn (Cr) có 4 loài chiếm 8,89% duy nhất gặp ở họ Zingiberaceae; nhóm cây một năm có 3 loài chiếm 6,67%; nhóm cây bì sinh (Ep) và cây chồi nửa ẩn (Hm) mỗi nhóm có 2 loài chiếm 4,44%; nhóm cây chồi trên thân thảo (Hp) có số lượng ít nhất chỉ có 1 loài chiếm 2,22% và có 1 loài chưa xác định được dạng sống. Công thức phổ dạng sống của các loài cây thuốc chữa bệnh dạ dày phân bố tại tỉnh Thái Nguyên là SB: = 24,45Mi + 20Na + 15,56Lp + 11,11Me + 8,89Cr + 6,67Th + 4,44Ep + 4,44Hm + 2,22Hp (bảng 2).

Bảng 2. Dạng sống của các loài cây thuốc chữa bệnh dạ dày phân bố tại tỉnh Thái Nguyên

Dạng sống	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Nhóm cây chồi trên nhỏ (Mi)	11	24,45
Nhóm cây chồi trên lùn (Na)	9	20,00
Nhóm Dây leo (Lp)	7	15,56
Nhóm cây chồi trên nhỡ (Me)	5	11,11
Nhóm cây chồi ẩn (Cr)	4	8,89
Nhóm cây một năm (Th)	3	6,67
Nhóm cây bì sinh (Ep)	2	4,44
Nhóm cây chồi nửa ẩn (Hm)	2	4,44
Nhóm cây chồi trên thân thảo (Hp)	1	2,22
Chưa xác định (CXĐ)	1	2,22
Tổng	45	100

Qua khảo sát thực tế, nhóm tác giả nhận thấy, môi trường sống của các loài cây thuốc ở khu vực nghiên cứu là rất đa dạng được thể hiện qua bảng 3 sau đây.

Bảng 3. Sự phân bố môi trường sống của các loài cây thuốc chữa bệnh dạ dày

TT	Môi trường sống	Số loài	Tỷ lệ (%)
1	Sống ở rừng (R)	35	77,78
2	Sống ở đồi (Đ)	13	28,89
3	Sống ở vườn (V)	11	24,45
4	Sống ở ven suối (Vs)	4	8,89
5	Sống ở núi đá (Nu)	2	4,44

Các ông lang, bà mẹ thường đi vào rừng để thu hái cây thuốc, bởi vậy ở rừng có số loài nhiều nhất 35 loài chiếm 77,78% tổng số loài và các loài này thường là cây chồi trên thân thảo, cây chồi trên lùn, cây chồi trên nhỏ sống trong rừng rậm, rừng thứ sinh, ven rừng đặc biệt là loài Lá khô (Ardisia gigantifolia Stapf), Tỏ điều thật (Asplenium nidus L.), Lài trâu choái (Tabernaemontana buffalina Lour.), Bồ cu vẽ (Breynia fruticosa (L.) Hook.f.), Chè dây (Ampelopsis cantoniensis (Hook.&Arn.) Planch)... Trong đó, loài Lá khô được hầu hết các dân tộc tại khu vực nghiên cứu sử dụng làm vị thuốc chính trong bài thuốc chữa bệnh dạ dày. Ở môi trường sống núi đá có 2 loài chiếm 4,44% là Tiêu trên đá (Piper saxicola C. DC.), Song môi thôn (Miliusabalansae var. elongatoides Ban). Sống ở đồi có 13 loài chiếm 28,89% điển hình như: Cúc chi thiên (Elephantopus scaber L.); Đon đon (Excoecaria cochinchinensis Lour.); Chặt chiu (Tetracera scandens (L.) Merr.); Cờ xong tốp (Mallotus paniculatus (Lamk.) Muell. – Arg.)... Sống ở vườn có 11 loài chiếm 24,25%, mặc dù có số lượng không nhiều nhưng đây là môi trường sống phù hợp với nhiều loài cây thuốc, thuận lợi cho việc chữa bệnh và đây cũng là cách mà các ông lang, bà mẹ bảo tồn cây thuốc.

Các bộ phận của cây thuốc có sự khác biệt về thành phần hóa học cũng như hàm lượng hoạt chất, do đó mà đồng bào nơi đây sử dụng từng bộ phận khác nhau để chữa bệnh dạ dày.

Mỗi bộ phận sử dụng đều mang lại hiệu quả nhất định trong việc chữa bệnh. Vì vậy, việc xác định chính xác bộ phận nào của cây được các ông lang, bà mẹ thường hay dùng nhiều nhất trong bài thuốc chữa bệnh dạ dày và mang lại hiệu quả tốt nhất là rất cần thiết. Kết quả về việc điều tra các bộ phận làm thuốc chữa bệnh dạ dày ở khu vực nghiên cứu được thể hiện ở bảng 4.

Bảng 4. Các bộ phận làm thuốc chữa bệnh dạ dày

TT	Bộ phận sử dụng	Số loài	Tỷ lệ (%)
1	Lá	20	44,44
2	Thân	18	40,00
3	Rễ	12	26,67
4	Cả cây	6	13,33
5	Vỏ	3	6,67
6	Quả	2	4,44
7	Hoa	1	2,22

Ghi chú: Vì thống kê số lượng các bộ phận làm thuốc tính nhiều lần nên tỷ lệ cộng tổng là trên 100%

Trong số 45 loài cây thuốc thu thập được, bộ phận được sử dụng nhiều nhất là lá cây với số lượng 20 loài chiếm 44,44% và thân cây có 18 loài chiếm 40% so với tổng số loài. Tiếp theo là các cây thuốc sử dụng bộ phận là rễ và cả cây với số loài là 12 chiếm 26,67% và 6 chiếm 13,33%. Các bộ phận còn lại như vỏ, quả và hoa đều được sử dụng làm thuốc có hiệu quả nhưng số lượng không nhiều tỷ lệ lần lượt là: 6,67%; 4,44%; 2,22%. Hai bộ phận lá và thân được sử dụng nhiều nhất bởi vì nó được thu hái một cách dễ dàng, đồng thời giúp cho việc bảo vệ bền vững, sử dụng lâu dài nguồn tài nguyên cây thuốc chữa bệnh. Ngược lại, bộ phận hoa và quả chỉ xuất hiện trong một khoảng thời gian nhất định, vì vậy việc thu hái rất khó khăn nên chiếm số lượng loài rất ít, hoa chỉ có một loài là Hồng bì (Clausena lansium (Lour.) Skeels), quả có 2 loài là Bứa lá thôn (Garcinia oblongifolia Cham. Ex Benth.) và Sầu đầu cứt chuột (Bruceae javanica (L.) Merr.). Vì vậy, theo kinh nghiệm của ông lang, bà mẹ khi hái thuốc thì cần xác định thời điểm thu hái và bộ phận thu hái để hiệu quả chữa bệnh cao nhất.

3.2. Những bài thuốc truyền thống được dùng để chữa bệnh về dạ dày

Trong quá trình điều tra, nhóm tác giả đã thu thập được một số bài thuốc hay, có tác dụng trong việc phòng và chữa căn bệnh dạ dày, góp phần bảo tồn những bài thuốc gia truyền của cộng đồng các dân tộc ở tỉnh Thái Nguyên:

1. Bài thuốc của người Tày

Bài 1. Chữa đau dạ dày (ông Nguyễn Phúc Liêu, huyện Định Hóa)

1. Thâu khảm khon (*Hedyotis capitellata* Wall. ex G. Don) – bộ phận sử dụng: thân. 2. Vật mã (*Kadsura coccinea* (Lem.) A. C. Smith) – bộ phận sử dụng: thân, rễ. 3. Ngũ gia bì (*Schefflera octophylla* (Lour.) Harms) – bộ phận sử dụng: rễ. Cách dùng: băm nhỏ, sao khô, sắc nước uống.

Bài 2. Chữa đau dạ dày (ông Vương Vũ Quyền, huyện Định Hóa)

1. Cỏ bi mĩ (*Ardisia silvestris* Pitard) – bộ phận sử dụng: lá (30 g). 2. Thâu khảm khon (*Hedyotis capitellata* Wall. ex G. Don) – bộ phận sử dụng: thân (30 g). 3. Láng linh đông (*Curculigo capitulata* (Lour.) Kuntze) – bộ phận sử dụng: thân (30 g). 4. Nghệ lưỡng (*Curcuma longa* L.) – bộ phận sử dụng: thân (30g). Cách dùng: băm nhỏ, phơi khô, sắc uống, ngày 1 thang hoặc sao vàng tán thành bột, ngày uống 2 lần trước khi ăn 30 phút, mỗi lần uống 15 g (1 thìa) với nước đun sôi để nguội.

Bài 3. Chữa loét dạ dày (ông Dương Công Chiến, huyện Định Hóa)

1. Thâu khảm khon (*Hedyotis capitellata* Wall. ex G. Don) – bộ phận sử dụng: rễ, thân. 2. Khẩu dẫn (*Callicarpa candicans* var. *perryana* (Dop) Phamh.) – bộ phận sử dụng: rễ. 3. Láng linh đặng (*Cordyline fruticosa* (L.) Goepp.) – bộ phận sử dụng: lá. 4. Nhả mí mó (*Eclipta prostrata* (L.) L.) – bộ phận sử dụng: thân, lá. 5. Cỏ soi (*Streblus asper* Lour.) – bộ phận sử dụng: rễ. 6. Cỏ bi mĩ (*Ardisia silvestris* Pitard) – bộ phận sử dụng: lá. 7. Pục đại (*Glycosmis parviflora* (Sims) Little) – bộ

phần sử dụng: rễ. Cách dùng: Rửa sạch, băm nhỏ, sao khô, sắc nước uống hàng ngày.

Bài 4. Chữa đau thượng vị (ông Nông Văn Viên, huyện Định Hóa)

1. Cỏ bi mĩ (*Ardisia silvestris* Pitard) – bộ phận sử dụng: lá: 20 g. 2. Khổ sâm (*Croton tonkinensis* Gagnep.) – bộ phận sử dụng: thân, lá: 20 g. 3. Cỏ mạy dầy (*Ficus tinctoria* ssp. *gibbosa* (Blume) Corn.) – bộ phận sử dụng: lá: 20 g. 4. Thâu khảm khon (*Hedyotis capitellata* Wall. ex G. Don) – bộ phận sử dụng: thân: 20 g. Cách dùng: Tất cả đem băm nhỏ, phơi khô, sắc nước uống, ngày 3–4 lần.

2. Bài thuốc của người Kinh

Bài 1. Chữa đau dạ dày – Viêm loét dạ dày (ông Bùi Đức La, huyện Đại Từ)

1. Lá khô (*Ardisia gigantifolia* Stapf) – bộ phận sử dụng: lá. 2. Khổ sâm (*Croton tonkinensis* Gagnep.) – bộ phận sử dụng: thân và lá. Cách dùng: Các bộ phận trên băm nhỏ, phơi khô hoặc sao vàng. Trộn hai loài này với nhau mỗi loại 1,5 kg tương ứng với một thang thuốc, sắc uống trong từ 3–5 ngày.

Bài 2. Chữa đau dạ dày (ông Trần Văn Nhạc, huyện Đại Từ)

1. Khổ sâm (*Croton tonkinensis* Gagnep.) – bộ phận sử dụng: thân và lá. 2. Gạo nếp – 1 bơ. Cách dùng: thân và lá tán nhỏ thành bột, nghiền gạo nhỏ gạo nếp, trộn bột gạo với bột Khổ sâm sau đó đổ nước nóng, khuấy đều và lọc lấy nước. Uống sau bữa ăn.

3. Bài thuốc của người Dao

Bài 1. Chữa đau dạ dày (bà Đặng Thị Liễu, huyện Đông Hồ)

1. Tai mèo – Dây păng đặng (*Abroma augusta* (L.) L. f) – bộ phận sử dụng: thân. 2. Dung như râu – Xà đặng (*Symplocos pseudobarberina* Gontch.) – bộ phận sử dụng: lá. 3. Dẻ đông dương – Đeng tòn bày (*Breynia indochinensis* Beille) – bộ phận sử dụng: lá. Cách dùng: Những cây trên phơi khô (riêng cây Xà đặng không phơi ngoài nắng), nấu nước uống hàng ngày đến khi khỏi.

Bài 2. Chữa đau dạ dày, đại tràng (ông Bàn Như Tiến, huyện Đồng Hỷ)

1. Xạ than – Lược vàng (*Callisia fragrans* (Linde.)) – bộ phận sử dụng: lá. 2. Xà đằng – Dung như râu (*Symplocos pseudobarberina* Gontch.) – bộ phận sử dụng: lá. Cách dùng: Các vị thuốc trên đem phơi khô, nấu nước uống.

4. Bài thuốc của người Nùng

Bài 1. Chữa đau dạ dày (ông Nông Văn Ái, huyện Phú Bình)

1. Nhả đàn (*Elephantopus scaber* L.) – bộ phận sử dụng: thân, rễ. 2. Cà lình (*Oroxylum indicum* (L.) Kurz) – bộ phận sử dụng: thân. 3. Khau phày (*Tetracera scandens* (L.) Merr.) – bộ phận sử dụng: thân. 4. Chạ khau cấp (*Hedyotis contracta* (Pierr ex Pitard) Phamh.) – bộ phận sử dụng: thân. Cách dùng: băm nhỏ, phơi khô, sắc uống.

Bài 2. Chữa đau dạ dày (ông Liễu Văn Đại, huyện Phú Bình)

1. Khổ sâm (*Croton tonkinensis* Gagnep.) – bộ phận sử dụng: cả cây. 2. Dây đau xương (*Tinospora sinensis* (Lour.) Merr.) – bộ phận sử dụng: thân. 3. Chạ khau cấp (*Hedyotis contracta* (Pierr ex Pitard) Phamh.) – bộ phận sử dụng: thân. Cách dùng: Các bộ phận này băm nhỏ, phơi khô sắc uống.

5. Bài thuốc của Sán Chí

Bài 1. Chữa đau dạ dày (bà Trần Thị Đàm (54 tuổi), huyện Võ Nhai)

1. Cờ xong tốp (*Mallotus paniculatus* (Lamk.) Muell. - Arg.) – bộ phận sử dụng: thân. 2. Mộc pa (*Tabernaemontana pauciflora* Blume) – bộ phận sử dụng: thân. 3. Kinh kèng (*Zingiber zerumbet* (L.) Smith) – bộ phận sử dụng: thân, rễ, lá. Cách dùng: Các thứ trên đem băm nhỏ sắc lấy nước uống.

6. Bài thuốc của người Sán Dìu

Bài 1. Bài thuốc chữa bệnh loét dạ dày (ông Nông Văn Vượng, huyện Đồng Hỷ)

1. Cây Thác suy (*Excoecaria cochinchinensis*) – bộ phận sử dụng: thân, lá.

2. Cây Phụn sun (*Croton tonkinensis*) – bộ phận sử dụng: thân, lá. 3. Cây sai (*Ficus heterophyllus*) – bộ phận sử dụng: vỏ. 4. Chè dây (*Ampelopsis cantoniensis* (Hook.&Arn.) Planch.). Cách dùng: Tất cả đem phơi khô đun lấy nước uống.

Mỗi đồng bào dân tộc đều có những nét riêng biệt về kinh nghiệm sử dụng các cây thuốc và cách chế biến cây thuốc để chữa bệnh về dạ dày. Mỗi bài thuốc đều mang những vị thuốc đặc trưng cho dân tộc của mình như trong các bài thuốc của người Tày có chung vị Thầu khảm khon (*Hedyotis capitellata* Wall. ex G. Don), Cỏ bi mĩ (*Ardisia silvestris* Pitard); dân tộc Dao có loài Dung như râu – Xà đằng (*Symplocos pseudobarberina* Gontch.); đồng bào người Nùng sử dụng vị thuốc chính là Chạ khau cấp (*Hedyotis contracta* (Pierr ex Pitard) Phamh.); người Kinh lại sử dụng loài Khổ sâm (*Croton tonkinensis* Gagnep.); vị thuốc đặc trưng của người Sán Dìu là Chè dây (*Ampelopsis cantoniensis* (Hook.&Arn.) Planch.); Mộc pa (*Tabernaemontana pauciflora* Blume) vị thuốc tiêu biểu của dân tộc Sán Chí.

Kinh nghiệm bào chế thuốc của đồng bào các dân tộc nơi đây có sự giống nhau là băm nhỏ, phơi khô, xao vàng hay tán bột sau đó cho nước sắc uống hàng ngày; cách chế biến thuốc này đơn giản, ít tốn kém, mang lại hiệu quả chữa bệnh cao; tuy nhiên có sự khác biệt về liều lượng và bộ phận sử dụng.

Một số loài cây khá phổ biến và hay được sử dụng trong bài thuốc của các dân tộc như loài *Ardisia gigantifolia* Stapf (Lá khô) được hầu hết các dân tộc tại KVNC sử dụng làm vị thuốc chính trong bài thuốc để điều trị căn bệnh dạ dày, bởi vì theo kinh nghiệm của ông lang, bà mẹ nơi đây loài này có vị rất đắng và có tác dụng giảm đau nhanh, tuy nhiên số lượng loài này đang bị suy giảm mạnh; loài *Ampelopsis cantoniensis* (Hook.&Arn.) Planch (Chè dây) có tác dụng sát trùng và làm liền nhanh các ổ viêm loét ở niêm mạc dạ dày; *Symplocos pseudobarberina* Gontch

(Dung như râu) có công dụng giảm nhanh nhưng cơn đau dạ dày và theo đồng bào người Dao vị thuốc này sẽ bị giảm hiệu quả điều trị khi phơi nắng vì vậy cần sắc thuốc ở dạng tươi hoặc phơi trong bóng râm; loài *Hedyotis capitellata* Wall. ex G. Don (An điền đầu – Dạ cẩm) loài này có vị ngọt, hơi đắng, tính bình nên có tác dụng thanh nhiệt, giải độc, làm dịu cơn đau, tiêu viêm, lợi tiêu và đã được bào chế thành dạng cao gọi là “Cao Dạ cẩm” bán ra thị trường dùng để chữa bệnh đau dạ dày rất hiệu quả; loài *Croton tonkinensis* Gagnep. (Khô sâm) theo kinh nghiệm của ông lang, bà mẹ thì loài này sử dụng chữa các bệnh về tiêu hóa rất tốt đặc biệt là bệnh về dạ dày, đau bụng và kiết lỵ; loài *Curcuma zedoaria* (Berg.) Rosc. (Nghệ đen) rửa sạch, phơi khô mang đi tán bột trộn với mật ong trị đau dạ dày...

Thông qua việc thống kê các bài thuốc ở trên cho thấy, các bài thuốc và vị thuốc của mỗi dân tộc đều có sự khác nhau rõ rệt cả về số lượng bài thuốc cũng như các vị thuốc. Sự kết hợp hài hòa của các vị thuốc đã tạo nên những phương thuốc độc đáo riêng biệt đặc trưng cho mỗi dân tộc. Mỗi bài thuốc đều có một vị chủ đạo được ví như “vị chính” của từng ông lang, bà mẹ để thể hiện công dụng đặc trị trong việc chữa trị bệnh. Những bài thuốc dân gian này là cơ sở quan trọng cho các nhà khoa học để nghiên cứu, bào chế ra những loại thuốc có thành phần từ thảo dược, tiện lợi cho việc chữa bệnh.

4. Kết luận

Đã thu được 45 loài thực vật có công dụng làm thuốc chữa bệnh dạ dày thuộc 40 chi, 29 họ của 2 ngành thực vật có mạch: ngành Dương xỉ (Polypodiophyta) có 1 họ, 1 chi, 1 loài; ngành Mộc lan (Magnoliophyta) có 28 họ, 39 chi, 44 loài.

Thống kê được 3 họ có đa dạng loài nhất tại KVNC: Euphorbiaceae – 7 loài, Zingiberaceae – 4 loài, Rubiaceae – 3 loài. Có 5 họ có 2 loài là Acanthaceae, Apocynaceae, Bignoniaceae, Schisandraceae và Vitaceae, còn lại 20 họ mỗi họ có một chi và một loài.

Xác định được công thức phổ dạng sống của hệ thực vật làm thuốc chữa bệnh dạ dày phân bố tại tỉnh Thái Nguyên là SB: = 24,45Mi + 20Na + 15,56Lp + 11,11Me + 8,89Cr + 6,67Th + 4,44Ep + 4,44Hm + 2,22Hp.

Môi trường sống chủ yếu của các loài thực vật làm thuốc chữa bệnh chủ yếu ở rừng với 35 loài, ở đồi có 13 loài, ở vườn có 11 loài, ven suối có 4 loài và 2 loài sống ở núi đá.

Bộ phận sử dụng của các loài thực vật làm thuốc chữa bệnh dạ dày gồm có: lá 20 loài, thân 18 loài, rễ 12 loài, cả cây 6 loài, vỏ 3 loài, quả 2 loài, hoa 1 loài.

Thu thập được 12 bài thuốc chữa bệnh dạ dày theo kinh nghiệm của cộng đồng dân tộc ở tỉnh Thái Nguyên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. A. C. Fifi, C. H. Axelrod, P. Chakraborty, and M. Saps, “Herbs and Spices in the Treatment of Functional Gastrointestinal Disorders: A Review of Clinical Trials,” *Nutrients*, vol. 10, no. 11, p. 1715, Nov. 2018.
- [2]. H. G. Ong, and Y.-D. Kim, “Medicinal plants for gastrointestinal diseases among the Kuki-Chin ethnolinguistic groups across Bangladesh, India, and Myanmar: A comparative and network analysis study,” *J Ethnopharmacol*, vol. 251, p. 112415, Jan. 2020.
- [3]. L. T. Nguyen *et al.*, “The Use of Traditional Vietnamese Medicine Among Vietnamese Immigrants Attending an Urban Community Health Center in the United States,” *J Altern Complement Med*, vol. 22, no. 2, pp. 145-153, Feb. 2016.
- [4]. T. B. Nguyen, *Flora of Vietnam – volume 1, Annonaceae Juss.* Hanoi Science and Technology Publishing House, 2000.
- [5]. H. D. Nguyen, T. D. Nguyen, *Flora of Vietnam – volume 11, Fucales Kylin - Polygonaceae Juss.* Hanoi Science and Technology Publishing House, 2007.
- [6]. K. K. Nguyen, *Flora of Vietnam – volume 3, Cyperaceae Juss.* Hanoi Science and Technology Publishing House, 2002.
- [7]. T. K. L. Tran, *Flora of Vietnam – volume 4, Myrsinaceae R.Br.* Hanoi Science and Technology Publishing House, 2000.

- [8]. X. P. Vu, *Flora of Vietnam – volume 2, Lamiaceae Lind L. (Labiatae Juss)*. Hanoi Science and Technology Publishing House, 2000.
- [9]. H. H. Pham, *Vietnamese plants*. Young publishing House, Ho Chi Minh city, 2000.
- [10]. V. C. Vo, *Dictionary of Vietnamese medical plants*. Medical publishing house, 2012.
- [11]. T. L. Do, *Vietnamese medicinal plants*. Medical publishing house, 2005.
- [12]. H. B. Do, X. C. Bui, T. D. Nguyen, T.D. Do, V. H. Pham, N. L. Vu, D. M. Pham, K. M. Pham, T. N. Doan, T. Nguyen, and T. Tran, *Medicinal plants and medicinal animals in Vietnam, volume I, II*. Hanoi Science and Technology Publishing House, 2003.
- [13]. Stitute of Oriental Medicine, *450 Vietnamese medicinal plants in list of the Chinese plants*. Medical publishing house, 1963.
- [14]. N. T. Nguyen, T. H. Nguyen, T. N. Ngo, *Ethnic botany: Medicinal plants of Thai people in Con Cuong Nghe An*. Hanoi Agricultural publishing house, 2001.
- [15]. N. T. Nguyen, *Research Methods in Plant Sciences*. Hanoi National University Publishing House, 2007.
- [16]. N. T. Nguyen, *Tropical forest ecosystem*. Hanoi National University Publishing House, 2004.